

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ BHV MEDIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ BHV MEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BHV MEDIA INTERNATIONAL COMMUNICATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BHV MEDIA INT

2. Mã số doanh nghiệp: 0110213064

3. Ngày thành lập: 21/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 31, tổ 1 cụm Sòi, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912788889

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Trừ hoạt động nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8220
3.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Tri hợp báo)	8230(Chính)
4.	Dịch vụ đóng gói	8292
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005; Điều 2 Thông tư 04/2014/TT-BCT)	8299
6.	Giáo dục thể thao và giải trí (Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	8551
7.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	8552
8.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục (Điều 106 Nghị định 46/2017/NĐ-CP; Điều 2 Nghị định 135/2018/NĐ-CP)	8560
9.	Lập trình máy vi tính	6201

10.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
11.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
12.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
13.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
14.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Trừ hoạt động nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7120
15.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên (Trừ hoạt động nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7211
16.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ (Trừ hoạt động nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7212
17.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7214
18.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
19.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
21.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
22.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ; Tư vấn chứng khoán)	7490
23.	In ấn	1811
24.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
25.	Sao chép bản ghi các loại	1820

26.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Điều 4 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP); - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP); - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP).	4932
27.	Vận tải hành khách hàng không (Điều 49 Luật Du lịch 2017; Điều 21, 26, 27, 28, 29 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; Điều 7, Điều 8, Điều 25, Điều 44 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP)	5110
28.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm: kinh doanh bất động sản và cho thuê kho bãi)	5210
29.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ các hoạt động liên quan đến hàng không).	5224
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5225
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không) Chi tiết: - Đại lý vé máy bay, xe khách, tàu hỏa, tàu thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không) - Logistics (Điều 4 Nghị định số 163/2017/NĐ-CP) - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan (Điều 20 Luật Hải Quan 2014).	5229
32.	Cơ sở lưu trú khác (Điều 49 Luật Du lịch 2017; Điều 21, 26, 27, 28, 29 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; Điều 7, Điều 8, Điều 25, Điều 44 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP)	5590
33.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke) (Điều 49 Luật Du lịch 2017; Điều 21, 26, 27, 28, 29 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; Điều 7, Điều 8, Điều 25, Điều 44 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP)	5610
34.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Điều 28, 29, 30 Luật An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2010)	5621
35.	Dịch vụ ăn uống khác (Điều 28, 29, 30 Luật An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2010)	5629

36.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường) (Điều 28, 29, 30 Luật An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2010)	5630
37.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
38.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) (Điều 3 Nghị định số 142/2018/NĐ-CP)	5911
39.	Hoạt động hậu kỳ (Trừ hoạt động nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5912
40.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ phát hành chương trình truyền hình)	5913
41.	Hoạt động chiếu phim (Trừ hoạt động nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5914
42.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ xuất bản sách nhạc và bản nhạc)	5920
43.	Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây (Điều 36, Điều 37 Luật viễn thông 2009).	6110
44.	Đại lý du lịch (Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	7911
45.	Điều hành tua du lịch (Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật) (Điều 14 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP; Điều 1 Nghị định số 94/2021/NĐ-CP)	7912
46.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	7990
47.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
48.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
49.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ BH HOLDINGS		Số 31, tổ 1 cụm Sòi, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	275.000.000	55,000	0110189968	
2	NGÔ THẾ VƯƠNG	Việt Nam	320 HH03F, KĐT Thanh Hà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	225.000.000	45,000	002083006935	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ THẾ VƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/07/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 002083006935

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 320 HH03F, KĐT Thanh Hà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 320 HH03F, KĐT Thanh Hà, Xã Cự Khê, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội